

Bản án số: 90/2026/HS-ST
Ngày 16/3/2026

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – HƯNG YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Duy Niên và bà Tô Thị Thanh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Lại Văn Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 16/03/2026 tại Hội trường xét xử - trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 43/2026/TLST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2026/QĐXXST-HS ngày 03/03/2026 đối với:

- Bị cáo: Trần Thị L, sinh ngày 16/02/1993; Số CCCD: 034193006101; Nơi cư trú: Tổ D, phường T, tỉnh Hưng Yên; Giới tính: Nữ; Nghề nghiệp: Giáo viên mầm non; Trình độ học vấn: Đại học; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Trần Văn T và bà Vũ Thị N; Chồng đã ly hôn: Anh Bùi Xuân D và có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2024;

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Năm 2019, 2021, 2022 Trần Thị L được Trường Mầm non H1 cấp Giấy chứng nhận Giáo viên dạy giỏi cấp trường; Năm 2023, Trần Thị L được Ban chấp hành Công đoàn viên chức tỉnh T (cũ) tặng Giấy khen vì đạt thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua Lao động giỏi và xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 30/10/2025 (có mặt)

- Bị hại: Bà **Vũ Thị N1**, sinh năm 1966; Địa chỉ: Thôn T, phường T, tỉnh Hưng Yên. (có mặt)

- Người làm chứng:

+ Ông **Vũ Văn H**, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn T, phường T, tỉnh Hưng Yên (có mặt)

+ Bà **Vũ Thị N**, sinh năm 1967; Địa chỉ: Số nhà A, đường L, phường T, tỉnh Hưng Yên (*có mặt*)

+ Chị **Trần Thanh L1**, sinh năm 1997; địa chỉ: Số nhà A, đường L, phường T, tỉnh Hưng Yên (*có mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 20/7/2025, Trần Thị L đi sang nhà bố mẹ đẻ tại tổ dân phố T, phường T, tỉnh Hưng Yên chơi thì gặp ông Vũ Văn H (là bác ruột) đang đứng ở ngoài đường cạnh mảnh đất của bố mẹ L. Do đang mâu thuẫn về tranh chấp đất đai của tổ tiên để lại, ông H nói với L: "*Báo mẹ mày đừng có mà vật nhãn của tao, đây là cây nhãn của tao, đừng để tao bắt được là chết với tao, tao chặt tay*", L không nói gì và đi vào nhà. Sau khi ông H đi về thì L và bà Vũ Thị N (mẹ đẻ L) ra vật nhãn ở cây trước mảnh đất của bà N. Một lúc sau, bà Vũ Thị N1 (là vợ ông H) đến và chửi: "*Hai con đi ăn cắp nhãn, con đi ăn cắp đất của nhà tao, tao quay đưa mày lên mạng cho mọi người xem mặt con đi ăn cướp đất của tao*". Bà N đứng trên đường bê tông chửi lại: "*Đất nhà tao thì nhãn của nhà tao, mày làm gì có quyền*", hai bên lời qua tiếng lại khoảng 05 phút, L ngồi trên ghế sắt vật nhãn nói: "*Mẹ nói với con điên đấy làm gì, đánh chết nó đi*", bà N1 nói: "*Mày ranh con tao không nói chuyện với mày, tao nói chuyện với mẹ mày, mày chửi tao con điên khác gì mày cũng là con điên cời truông ngồi trên ghế*". L từ trên ghế đi xuống, bà N1 cầm điện thoại bằng tay phải dí vào mặt L nói: "*Tao cho mày lên mạng, cho họ xem con chó để ăn cắp, cả làng ơi xem này, xem này con chó để nó ăn cắp*". Do lo sợ bị đưa lên mạng làm ảnh hưởng đến hình ảnh, công việc giáo viên mầm non nên L dùng tay trái gạt vào tay bà N1 đang cầm điện thoại mục đích không cho bà N1 quay làm điện thoại rơi xuống đất. Bà N1 nhặt điện thoại lên quay tiếp thì L dùng tay trái gạt vào tay bà N1 làm điện thoại rơi xuống đất lần thứ hai. Bà N1 nhặt điện thoại lên và chửi: "*đ. mẹ mày nát cái điện thoại của bố mày ra rồi*". Do bức tức vì bị chửi bới, xúc phạm, L dùng điện thoại Iphone 13 Promax màu trắng, lắp sim 0977.475.302 gọi điện cho em gái là Trần Thanh L1 hướng điện thoại về phía bà N1 và nói: "*Sang mà xem này, nhanh lên ra tát chết mẹ con này đi nhanh lên nhà bà sinh sự này*". Bà N1 tiếp tục dùng điện thoại quay video thì L tiến lại gần ở tư thế đối diện, cách bà N1 khoảng 60cm, dùng tay trái gạt theo hướng từ phải qua trái vào tay bà N1 để hất điện thoại nhưng bà N1 nắm chặt nên điện thoại không bị rơi. Bà N1 tiếp tục giơ điện thoại lên quay, do bức xúc nên L đã dùng tay trái đẩy ngang từ trước về sau 01 cái vào người bà N1 làm bà N1 ngã ngồi xuống nền sân bê tông cạnh đường, sau đó bà N1 nằm nghiêng sang trái. L nói với bà N: "*mẹ ơi chạy đi*" và tiến lại chỗ bà N1 nói: "*Tao đây nhẹ thế mà mày nằm đây ăn vạ à*". Sau đó L đi về nhà, bà N1 gọi điện cho ông H đến đưa đi Bệnh viện Đ, tỉnh Hưng Yên điều trị từ ngày 20/7/2025 đến ngày 29/7/2025 xuất viện.

Bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 89/2025/KLTTCT-TTPY&GDYK ngày 05/9/2025 của Trung tâm pháp y và giám định y khoa, Sở Y tế tỉnh H kết luận: *tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của bà Vũ Thị N1 tại thời điểm giám định là 41%. Cơ chế hình thành thương tích là do tác động bởi dạng lực dồn ép gây nên.*

Cáo trạng số 130/CT-VKS-KV5 ngày 30/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Hưng Yên đã truy tố bị cáo Trần Thị L về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố và trình bày rất ân hận về hành vi phạm tội của mình. Bị hại trình bày sự việc như cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Hưng Yên giữ nguyên truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Thị L phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Đề nghị căn cứ điểm a khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 54; Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Thị L từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo đồng ý với tội danh Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Hưng Yên đã truy tố, không có ý kiến tranh luận và nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất và được hưởng án treo để bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm và phấn đấu trở thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Hưng Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác Cơ quan điều tra thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản xác định hiện trường; Sơ đồ hiện trường và Bản ảnh; Biên bản rà soát Camera tại khu vực xảy ra vụ việc; Lời khai của bị hại; Lời khai của người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 10 giờ 45 phút ngày 20/7/2025, tại thôn T, phường T, tỉnh Hưng Yên,

do mâu thuẫn trong lúc vật nhẵn và bực tức vì bị chửi bới, xúc phạm, bị hại dọa quay video tung lên mạng, làm ảnh hưởng tới danh dự, sỹ diện của bị cáo nên Trần Thị L đã có hành vi dùng tay trái đẩy ngang từ trước về sau 01 cái vào người bà Vũ Thị N1 làm bà N1 ngã ngồi xuống nền sân bê tông cạnh đường. Hậu quả: bà N1 bị tổn thương cơ thể 41%.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "*Cố ý gây thương tích*", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Điều 134. Tội cố ý gây thương tích

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

... 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

a) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;...

[3] Đánh giá tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo Trần Thị L là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ. Nguyên nhân vụ việc xuất phát sâu xa từ mâu thuẫn tranh chấp đất đai giữa gia đình bị hại và gia đình mẹ đẻ của bị cáo, dẫn đến mâu thuẫn khi bị cáo cùng mẹ vật nhẵn của cây nhãn trên diện tích đất tranh chấp, bị cáo và bị hại xảy ra cãi vã, chửi bới lẫn nhau, sau đó bị cáo đã gây thương tích cho bị hại. Hành vi của bị cáo là bột phát, chỉ thực hiện một hành vi đơn giản, khi bị hại ngã ngồi xuống nền sân bê tông bị cáo đã dừng ngay hành vi xâm phạm sức khỏe của bị hại. Tuy nhiên, hậu quả đã khiến bị hại bị tổn thương cơ thể 41%. Vì vậy, phải xử phạt bị cáo bằng chế tài hình sự phù hợp để cải tạo bị cáo và góp phần giáo dục ý thức chấp hành pháp luật nói chung trong xã hội.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo Trần Thị L có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, bị cáo thành khẩn khai báo; tự nguyện thỏa thuận bồi thường, khắc phục hậu quả xong cho bị hại; bị cáo được tặng thưởng Giấy khen vì có thành tích xuất sắc trong công tác, có nhiều năm được công nhận là giáo viên dạy giỏi, vì vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về mức hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt:

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của

bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo Trần Thị L có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo. Việc cho bị cáo L được cải tạo ngoài xã hội không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do đó, cần áp dụng Điều 54, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện để giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và gia đình bị hại đã có văn bản thỏa thuận về việc bị cáo bồi thường thiệt hại cho bị hại 95.000.000 đồng, gồm: chi phí điều trị 60.000.000 đồng; tiền thu nhập bị mất 25.000.000 đồng; tiền tổn thất tinh thần 10.000.000 đồng, bị hại đã nhận đủ và không có yêu cầu gì khác. Vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 134; điểm b, s, v khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 54; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Điều 135; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án:

- 1. Về tội danh:** Tuyên bố bị cáo Trần Thị L phạm tội “Cố ý gây thương tích”.
- 2. Về hình phạt:** Xử phạt bị cáo Trần Thị L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (ba) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (16/3/2026).

Giao bị cáo Trần Thị L cho UBND phường T, tỉnh Hưng Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- 3. Về trách nhiệm dân sự:** Không đặt ra giải quyết.
- 4. Về án phí:** Bị cáo Trần Thị L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Thị L, bị hại bà Vũ Thị N1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (16/3/2026)/.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- UBND phường Trà Lý, tỉnh Hưng Yên;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 -Hưng Yên;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Hưng Yên;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Hưng Yên;
- Lưu Hồ sơ vụ án; Lưu HCTP./.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Bình